

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 381/2020/DS-PT
Ngày: 22-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Đức

Bà Nguyễn Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phan Văn Kiên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 241/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 2232/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1508/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 3381/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hồng Q, sinh năm: 1978; địa chỉ: Phòng 35.07 – Tòa P 6B, Khu đô thị V, số 720A đường Ph, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đ Việt Nam; trụ sở: 47 đường H, phường P, quận J, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc, sinh năm 1974; địa chỉ: 47 Đường số 4 Cư xá Ch, Phường G, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/3/2020), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, Luật sư Văn phòng Luật sư Tr – Thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 17 đường Ch, Phường F, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị H; Địa chỉ: Phòng P35.07 – Tòa P 6B, Khu đô thị V, số 720A đường Ph, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đ Việt Nam – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2018, các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn vụ án ông Lê Hồng Q trình bày:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đ Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh có địa chỉ: Lầu 4, Tòa nhà I, số 1B đường Ph, Phường 25, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đ Việt Nam (gọi tắt là Công ty Đ). Từ đầu năm 2014 đến 31/12/2015, ông làm giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đ Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Chi nhánh Công ty Đ), quá trình làm giám đốc chi nhánh, do Chi nhánh Công ty Đ không có tiền để hoạt động kinh doanh nên đã đề nghị vợ chồng ông cho chi nhánh mượn nhà và đất tại số 1/13 đường 83, khu phố 1, phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng A) để bảo lãnh cho chi nhánh vay tiền, mục đích vay nhằm mở rộng sản xuất kinh doanh. Do không có tiền đáo hạn ngân hàng để trả tài sản vay cho ông nên Chi nhánh Công ty Đ đã đề nghị ông cho vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Hai bên đã ký 07 biên bản thỏa thuận vay tiền, cam kết trả tiền do ông Đỗ Đăng Dũng Chủ tịch Hội đồng quản trị và là người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ ký đại diện chi nhánh công ty theo các biên bản ngày 25/02/2016, 27/02/2016, 02/03/2016, 10/03/2016, 28/03/2016, 27/04/2016 và 09/07/2016 với thỏa thuận là khi tiền dự án về cho Chi nhánh Công ty Đ thì công ty có trách nhiệm trả tiền cho ông, lãi suất thỏa thuận là 9%/năm kể từ ngày chuyển tiền. Ông đã chuyển cho Chi nhánh Công ty Đ tổng cộng là 2.862.592.230 đồng (Hai tỷ tám trăm sáu mươi hai triệu năm trăm chín mươi hai nghìn hai trăm ba mươi đồng) để giải chấp tài sản thế chấp. Tháng 4 năm 2018, Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội đã chuyển số tiền 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) của dự án Sân tập Golf Bạch Mai vào tài khoản của Chi nhánh Công ty Đ tại Ngân hàng A – Chi nhánh Quang Trung, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, công ty không chuyển trả số tiền vay trên vào tài khoản của ông theo đúng cam kết. Do vậy, ông khởi kiện yêu cầu Công ty Đ phải trả cho ông số tiền 2.400.000.000 đồng trong số tiền ông đã cho vay là 2.862.592.230 đồng và phải trả thêm các khoản lãi phát sinh từ ngày 25/02/2016 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Riêng đối với số tiền vay 462.592.230 đồng còn lại thì ông không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này, ông sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, ông cũng xác định khoản tiền nêu trên là khoản tiền vay, không phải là tiền góp vốn như đại diện công ty trình bày vì ngày 04/12/2015, ông và Chi nhánh Công ty Đ tiến hành họp thỏa thuận ông không làm giám đốc Chi nhánh Công ty Đ từ ngày 31/12/2015. Sau khi không làm giám đốc và tiến hành bàn giao công việc, đến ngày 19/02/2016 ông nộp cho Chi nhánh Công ty Đ số tiền 618.900.000 đồng để trả công ty số tiền trong quá trình ông làm giám đốc góp vốn kinh doanh và làm ăn gây thua lỗ. Toàn bộ số tiền vay 2.862.592.230 đồng đã chuyển cho công ty đều sau ngày 31/12/2015, ông không còn liên quan đến việc góp vốn nữa.

Bà Hoàng Thị Bích Ngọc là đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ Việt Nam trình bày:

Năm 2014, Chi nhánh Công ty Đ có họp bàn và đi đến thống nhất đồng ý cho ông Lê Hồng Q góp vốn 25% tương đương số tiền 1.200.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Ngọc góp vốn 15% tương đương số tiền 900.000.000 đồng, giao cho ông Q làm giám đốc chi nhánh. Sau đó, ông Q có thể chấp tài sản là nhà và đất số 1/13 đường 83, khu phố 1, phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh để bảo lãnh cho Chi nhánh Công ty Đ vay tiền của Ngân hàng A. Theo bà Ngọc xác định ông Q làm giám đốc chi nhánh đến hết ngày 31/12/2015 và đến ngày 19/02/2016 ông Q có nộp cho Chi nhánh Công ty Đ số tiền 618.900.000 đồng, tuy nhiên số tiền này ông Q nộp với nội dung gì bà Ngọc không biết. Ngoài ra, bà Ngọc xác định ông Q và ông Đỗ Đăng Dũng là người đại diện theo pháp luật của công ty đã ký 07 biên bản thỏa thuận vay tiền, mục đích vay, thời hạn trả, lãi suất thỏa thuận là 9%/năm và bà Ngọc cũng xác định ông Q đã nộp cho Chi nhánh Công ty Đ số tiền tổng cộng là 2.862.592.230 đồng như ông Q đã trình bày là đúng, tuy nhiên bà Ngọc cho rằng toàn bộ số tiền ông Q nộp nêu trên thực chất là tiền góp vốn của ông Q. Bà Ngọc không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Q, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H trình bày:

Bà H xác nhận nhà và đất số 1/13 đường 83, khu phố 1, phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà và ông Q, bà và ông Q có thể chấp tài sản trên bảo lãnh cho Chi nhánh Công ty Đ vay Ngân hàng A nhằm mở rộng sản xuất kinh doanh. Sau đó, ông Q đã lấy tiền cá nhân cho Chi nhánh Công ty Đ vay để giải chấp tài sản này. Toàn bộ khoản tiền ông Q yêu cầu Công ty Đ trả là tài sản riêng của ông Q, tiền này do ông Q trong quá trình làm ăn kinh doanh mà có. Bà xác định không có bất cứ quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến khoản tiền ông Q yêu cầu trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 2232/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đ Việt Nam trả cho ông Lê Hồng Q tổng cộng số tiền 3.130.652.054 đồng (ba tỷ một trăm ba mươi triệu sáu trăm

năm mươi hai ngàn không trăm năm mươi tư đồng, trong đó tiền gốc là 2.400.000.000 đồng và tiền lãi 730.652.054 đồng), thời hạn trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Q có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đ Việt Nam chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng công ty còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán, lãi suất phát sinh do chậm thanh toán số tiền nêu trên theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2018/QĐ-BPKCTT ngày 04/05/2018 của Tòa án nhân dân quận Y nội dung: Phong tỏa số tiền 2.400.103.844 (Hai tỷ bốn trăm triệu một trăm lẻ ba ngàn tám trăm bốn mươi bốn đồng) trong tài khoản số 0231003445005 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đ Việt Nam tại Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Q Trung để đảm bảo thi hành án.

1.3. Trả lại cho ông Lê Hồng Q tài sản bảo đảm đối với số tiền 200.000.000 đồng trong tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 444/2018/QĐ BPBD ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Y.

1.4. Tách số tiền 462.592.230 đồng mà Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đ Việt Nam còn nợ ông Q, cũng như số tiền 104.375.608 đồng ông Q đã nhận của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đ Việt Nam theo lời khai của ông Q ra giải quyết bằng vụ án khác nếu ông Q có yêu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 10/12/2019, Tòa án nhân dân quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Đơn kháng cáo của bị đơn, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người kháng cáo – Đại diện Công ty Đ Việt Nam trình bày: Công ty Đ không đồng ý với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Y, tất cả các giao dịch do ông Q giao dịch với chi nhánh nhưng Tòa án không đưa Chi nhánh Công ty Đ vào tham gia tố tụng, không có sự xác nhận nợ của chi nhánh mà buộc công ty phải trả nợ là không có cơ sở. Theo các biên bản thỏa thuận ghi rõ “lãi suất 9%/năm ... được chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn” và tại Biên bản hòa giải ngày 01/8/2019 có ghi nhận ý kiến ông Q đồng ý chịu 25% tiền lãi nhưng Tòa án tuyên buộc công ty trả toàn bộ tiền lãi là không đúng. Tòa án tuyên tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2018/QĐ-BPKCTT ngày 04/05/2018 của Tòa án nhân dân quận Y là sai vì chi nhánh không có bất cứ địa vị tố tụng nào trong vụ án và chi nhánh không liên quan gì đến vụ kiện mà Tòa án lại phong tỏa số tiền có trong tài khoản của

Chi nhánh Công ty Đ. Do Tòa cấp sơ thẩm không đưa Chi nhánh Công ty Đ vào tham gia tố tụng nên đề nghị hủy án sơ thẩm giao về cấp sơ thẩm xét xử lại để xác định số tiền hai bên giao nhận là tiền góp vốn hay tiền vay. Công ty Đ đồng ý với ý kiến của ông Q về việc trừ 25% tiền lãi trong tổng số lãi mà Tòa án đã tuyên.

Ý kiến của nguyên đơn: Ông Lê Hồng Q yêu cầu trừ 25% tiền lãi cho Công ty Đ trong tổng số tiền lãi Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên, phần còn lại của bản án sơ thẩm đề nghị giữ nguyên.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không đưa Chi nhánh Công ty Đ vào tham gia tố tụng, Đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 23/4/2018 yêu cầu Chi nhánh Công ty Đ trả nợ nhưng Tòa án lại xét xử buộc Công ty Đ trả nợ, theo biên bản thỏa thuận ba bên thì bà Nguyễn Thị Ngọc cùng ký thỏa thuận nhưng không đưa bà Ngọc vào tham gia tố tụng; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 2232/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, ghi nhận sự thống nhất của hai bên đương sự về việc trừ 25% trong tổng số tiền lãi mà bản án sơ thẩm đã tuyên cho Công ty Đ, phần còn lại của bản án sơ thẩm đề nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Hoàng Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

Tại phiên tòa, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu hoãn phiên tòa với lý do chưa trao đổi và xin ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Đ về việc giải quyết vụ án, xét thấy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì trường hợp này không thuộc quy định phải hoãn phiên tòa; do đó, không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty Đ cho rằng trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, Tòa án không đưa Chi nhánh Công ty Đ vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, căn cứ Điều 84 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về “Chi nhánh, văn phòng đại diện của pháp nhân” và đặc biệt theo khoản 6 Điều 84 Bộ luật Dân sự 2015 thì “Pháp nhân có quyền, nghĩa vụ dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do chi nhánh, văn phòng đại diện xác lập, thực hiện”, do đó, không cần thiết phải đưa Chi nhánh Công ty Đ vào tham gia tố tụng. Về yêu cầu đưa bà Nguyễn Thị Ngọ là người ký thỏa thuận ba bên ngày 01/02/2016 vào tham gia tố tụng, xét thấy tuy bà Ngọ có ký tên vào biên bản thỏa thuận nói trên cùng với ông Q và Công ty Đ nhưng phạm vi xét xử vụ án này là giải quyết hợp đồng vay tài sản giữa ông Q và Công ty Đ không liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của bà Ngọ nên không cần thiết đưa bà Nguyễn Thị Ngọ vào tham gia tố tụng; do đó, đề nghị hủy bản án sơ thẩm của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

Xét ý kiến cho rằng tại đơn khởi kiện ngày 23/4/2018, ông Q khởi kiện yêu cầu Chi nhánh Công ty Đ trả nợ nhưng Tòa án xét xử buộc Công ty Đ trả nợ là không đúng, xét thấy tại hồ sơ vụ án (bút lục 168) có đơn khởi kiện của ông Q ký ngày 23/4/2018 khởi kiện Công ty Đ; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty Đ là bị đơn và buộc Công ty Đ trả nợ là phù hợp.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn – kháng cáo toàn bộ phần nội dung bản án sơ thẩm.

Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và sự thừa nhận của hai bên đương sự tại hai phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thì giữa ông Lê Hồng Q và Công ty Đ đã ký kết 07 biên bản thỏa thuận vào các ngày 25/02/2016, 27/02/2016, 02/03/2016, 10/03/2016, 28/03/2016, 27/04/2016, 09/07/2016; căn cứ các thỏa thuận này ông Lê Hồng Q đã chuyển khoản, giao tiền mặt và Chi nhánh Công ty Đ đã nhận của ông Q với tổng số tiền là 2.862.592.230 đồng; do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì việc ký kết thỏa thuận và giao nhận tiền nói trên thuộc trường hợp không phải chứng minh.

Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn cho rằng số tiền 2.862.592.230 đồng Chi nhánh công ty Đ Việt Nam đã nhận của ông Q không phải là tiền vay mà đây là tiền ông Q góp vốn vào Chi nhánh Công ty Đ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, thời điểm ông Q ký các thỏa thuận và chuyển số tiền 2.862.592.230 đồng cho Chi nhánh Công ty Đ thì việc ông Q góp vốn số tiền 1.200.000.000 đồng đã được chốt lại theo biên bản hợp ngày 04/12/2015; căn cứ vào báo cáo tài chính chốt đến ngày 31/12/2015, các bên đã chốt thời điểm rút vốn, ông Q phải chịu khoản lỗ, lãi và phần lãi chậm góp vốn là 618.900.000 đồng và ông Q đã chuyển số tiền trên vào tài khoản Chi nhánh Công ty Đ tại Ngân hàng A ngày 19/2/2016 cho thấy việc góp vốn của ông Q với công ty các bên đã thống nhất giải quyết xong. Việc hai bên ký kết các biên bản thỏa thuận và giao nhận số tiền 2.862.592.230 đồng như đã viện dẫn ở phần trên là sau ngày chấm dứt việc góp vốn 31/12/2015. Tại các chứng cứ Biên bản thỏa thuận 3 bên, các biên bản thỏa

thuận đã nêu trên đều xác định khoản tiền ông Q chuyển cho Công ty là tiền vay để đáo hạn các khoản vay của Công ty với Ngân hàng A; do đó, cấp sơ thẩm xác định số tiền 2.862.592.230 đồng ông Q đã giao cho Công ty Đ là tiền vay không phải góp vốn là có cơ sở. Việc các bên thỏa thuận khi tiền dự án về sẽ trả cho ông Q và ngày 22/3/2018 Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân Đội đã chuyển số tiền 2.400.000.000 đồng vào tài khoản của chi nhánh nhưng Công ty Đ không chuyển trả cho ông Q là vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận của các bên. Yêu cầu của ông Q về việc buộc Công Đ phải trả số tiền vay 2.400.000.000 đồng trong tổng số tiền 2.862.592.230 đồng là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật, cần giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm.

Về yêu cầu tính lãi, cấp sơ thẩm đã xem xét tính lãi trên cơ sở sự thỏa thuận tự nguyện của hai bên đương sự và phù hợp quy định pháp luật, thời hạn tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn như cấp sơ thẩm đã quyết định; tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hai bên đương sự thống nhất trừ 25% trong tổng số tiền lãi cho bị đơn nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi là $730.652.054 \text{ đồng} \times 75\% = 547.989.040 \text{ đồng}$.

Về yêu cầu của bị đơn không đồng ý phong tỏa tài khoản của Chi nhánh Công ty Đ với số tiền 2.400.103.844 đồng cũng như phản đối việc tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2018/BPKCTT của Tòa án nhân dân quận Y ngày 04/5/2018, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, theo các Biên bản thỏa thuận thì việc Chi nhánh Công ty Đ vay tiền của ông Q là để thực hiện dự án Sân tập Golf của Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội nay công ty đã chuyển trả tiền thực hiện dự án thì Công ty Đ phải chuyển trả cho ông Q là phù hợp, nên Tòa án căn cứ Điều 124 Bộ luật Tố tụng dân sự ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phù hợp quy định pháp luật.

Ngoài ra, theo đơn khởi kiện, thông báo và biên lai đóng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm thì ông Q chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền cho vay 2.400.000.000 đồng trong tổng số tiền 2.862.592.230 đồng đã giao cho Chi nhánh Công ty Đ và lãi suất trên số tiền 2.400.000.000 đồng; ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền còn lại là 446.259.223 đồng và cũng không đóng tiền tạm ứng án phí trên số tiền này; do đó, Tòa án không giải quyết và không cần thiết phải giành quyền khởi kiện cho ông Q như cấp sơ thẩm đã nhận định và tuyên trong phần quyết định của bản án sơ thẩm; do đó, cần sửa lại phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Với các lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 2232/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung: Buộc Công ty Đ trả cho ông Q tổng số tiền là 2.947.989.040 đồng (trong đó tiền gốc là 2.400.000.000 đồng, tiền lãi là 547.989.040 đồng), tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2018/QĐ-BPKCTT ngày

04/05/2018 của Tòa án nhân dân quận Y, trả lại số tiền bảo đảm 200.000.000 đồng cho ông Q .

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 90.959.780 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp. Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – Công ty Đ, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 2232/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đ Việt Nam trả cho ông Lê Hồng Q tổng cộng số tiền 2.947.989.040 đồng (hai tỷ chín trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm tám mươi chín ngàn không trăm bốn mươi đồng, trong đó số tiền gốc là 2.400.000.000 đồng và tiền lãi 547.989.040 đồng).

Kể từ ngày ông Q có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đ Việt Nam chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng công ty còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán, lãi suất phát sinh do chậm thanh toán số tiền nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2018/QĐ-BPKCTT ngày 04/05/2018 của Tòa án nhân dân quận Y nội dung phong tỏa số tiền 2.400.103.844 (Hai tỷ bốn trăm triệu một trăm lẻ ba ngàn tám trăm bốn mươi bốn đồng) trong tài khoản số 0231003445005 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đ Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh Quang Trung để đảm bảo thi hành án.

1.3. Trả lại cho ông Lê Hồng Q tài sản bảo đảm là số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) trong tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 444/2018/QĐ BPBĐ ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Y.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đ Việt Nam phải nộp là 90.959.780 đồng (chín mươi triệu chín trăm năm mươi chín ngàn bảy trăm tám mươi đồng).

Ông Lê Hồng Q không phải chịu án phí, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 45.228.000 đồng (bốn mươi lăm triệu hai trăm hai mươi tám ngàn đồng) do ông Q đã tạm nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004402 ngày 24/04/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đ Việt Nam không phải chịu án phí, hoàn trả cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đ Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0017508 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận Y;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Y;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hương